

## QUY CHẾ

### Đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Thái Bình Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 137/QĐ-ĐHTBD ngày 25 tháng 9 năm 2020  
của Hiệu trưởng trường Đại học Thái Bình Dương)

#### Các từ ngữ viết tắt:

BGD&ĐT	: Bộ Giáo dục và Đào tạo	KLTN	: Khóa luận tốt nghiệp
CTĐT	: Chương trình đào tạo	HPTĐ	: Học phần tương đương
CVHT	: Cố vấn học tập	HPTT	: Học phần thay thế
ĐCHP	: Đề cương học phần	MSHP	: Mã số học phần
ĐKHP	: Đăng ký học phần	MSSV	: Mã số sinh viên
GDQP	: Giáo dục quốc phòng	P.ĐT	: Phòng Đào tạo
GDTC	: Giáo dục thể chất	SV	: Sinh viên
GV	: Giảng viên	TBHK	: Trung bình học kỳ
HK	: Học kỳ	TBHP	: Trung bình học phần
HP	: Học phần	TBTL	: Trung bình tích lũy
TTNT	: Thực tập nhận thức	TTTN	: Thực tập tốt nghiệp
BM	: Bộ môn	LHP	: Lớp học phần
TT.KN&HTSV	: Trung tâm kết nối & hỗ trợ sinh viên		

# Chương I

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ đại học, bao gồm quy định chung; tổ chức đào tạo; đánh giá học phần; xét và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy chế được áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy trình độ đại học tuyển sinh từ năm 2020 của Trường Đại học Thái Bình Dương.

### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

#### 1. Chương trình đào tạo

a) CTĐT là một chuỗi các HP hay hoạt động dẫn đến việc cấp một văn bằng hay chứng chỉ.

b) CTĐT được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, được thiết kế và trình bày theo quy định của nhà trường, bao gồm tối thiểu các nội dung sau: tên chương trình; mục tiêu đào tạo; chuẩn đầu ra; khối lượng kiến thức; cấu trúc các nhóm kiến thức; lĩnh vực nghề nghiệp khi tốt nghiệp; các HP giáo dục tổng quát, HP cơ sở ngành; HP chuyên ngành; ngành phụ; HP bắt buộc; HP tự chọn; lộ trình mẫu; mô tả các học phần; ma trận liên hệ chuẩn đầu ra của CTĐT và các học phần; CTĐT được xây dựng dựa trên Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo của BGD&ĐT.

c) CTĐT được Hiệu trưởng ký ban hành và được cập nhật nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế và chiến lược phát triển của nhà trường.

#### 2. Học phần

a) HP là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, để người học tích lũy thuận lợi trong quá trình học tập, nội dung được phân bố đều và giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ.

b) HP bắt buộc: là HP chứa đựng nội dung học tập chính yếu của mỗi chương trình đào tạo và bắt buộc người học phải tích lũy đầy đủ.

c) HP tự chọn chứa đựng những nội dung cần thiết, người học tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn, phát triển kiến thức và kỹ năng tổng quát hoặc tự chọn tùy ý để hoàn thành CTĐT.

d) HP dự thính: là HP sau khi hoàn tất được ghi nhận trong phiếu kết quả học tập, nhưng không được tính tín chỉ và điểm TBTL khi xét tốt nghiệp.

e) HP tương đương: 2 HP được gọi là tương đương nếu có nội dung và khối lượng kiến thức tương đồng (do khoa và bộ môn quyết định).

f) HP thay thế: là HP do BM chỉ định SV học thay thế HP trong CTĐT trong trường hợp HP được thay thế không còn mở, hoặc trong các trường hợp cần thiết khác do BM quyết định.

g) HP tiên quyết: HP A là học phần tiên quyết của HP B khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học HP B là SV đã đăng ký học và hoàn tất đạt HP A.

h) HP trước: HP A là học phần trước của HP B khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học HP B là SV đã đăng ký và được xác nhận học xong HP A (có thể chưa đạt).

i) HP song hành: HP A là học phần song hành của một HP B khi điều kiện bắt buộc để đăng ký học HP B là SV đã đăng ký học HP A. SV được phép đăng ký học HP B vào cùng học kỳ đã đăng ký học HP A.

j) Mã số HP: được quy định là một nhóm gồm 9-11 ký tự chữ và số. MSHP là duy nhất cho một HP cùng với quy cách của HP đó do P.ĐT thống nhất quản lý theo quy định của nhà trường.

k) Đề cương học phần: ĐCHP là tài liệu xác định mục tiêu, kết quả đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy, các hình thức đánh giá, tài liệu học tập, điều kiện để học HP, phân bố thời gian, số tín chỉ, kế hoạch giảng dạy, và một số thông tin khác của HP.

### 3. Tín chỉ:

a) Tín chỉ là đơn vị học tập để tính khối lượng học tập của người học để đạt được mục tiêu học tập mong muốn.

b) Một tín chỉ được quy định bằng 45 giờ học tập của người học, gồm (tối thiểu) 15 tiết lên lớp học lý thuyết và 30 giờ tự học (đọc tài liệu, làm bài tập, viết tiểu luận,...); hoặc 30-60 giờ thực hành, thực tập trên lớp (thảo luận, làm bài tập, làm đồ án...), tại phòng thí nghiệm, tại cơ sở sản xuất dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên, cán bộ phụ trách chuyên môn; hoặc 45-60 giờ tự học (làm đồ án, bài tập lớn,...). Trường hợp một tín chỉ là 30 tiết học thực hành, thực tập, cần bổ sung 15 giờ tự học.

c) Một tiết học được tính bằng 50 phút và áp dụng đối với hình thức nghe giảng (trên lớp), thảo luận, phụ đạo, thực hành, thực tập dưới sự hướng dẫn, trực tiếp của giảng viên, cán bộ phụ trách chuyên môn. Giờ tự học của người học được tính bằng 60 phút và áp dụng cho các hình thức tự học, đọc tài liệu, làm bài tập, viết tiểu luận, làm đồ án, luận văn, luận án tốt nghiệp.

d) Giảng viên phải mô tả trong đề cương chi tiết học phần tất cả các nội dung tự học của người học và phải chấm (hoặc sửa) các kết quả tự học của người học.

**4. Nhóm học phần giáo dục khai phóng** là những nội dung học tập tối thiểu cần thiết nhằm giúp người học có tầm nhìn rộng, thế giới quan khoa học và nhân sinh quan đúng đắn; hiểu biết về tự nhiên, xã hội và con người; nắm vững phương pháp tư duy khoa học; có đạo đức tốt, nhận thức trách nhiệm công dân, hình thành kỹ năng học tập suốt đời.

**5. Học phần ngành** là những nội dung học tập tối thiểu cần thiết giúp hình thành những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp ban đầu cho người học.

**6. Cơ sở ngành** là những nội dung học tập tối thiểu bắt buộc người học phải có để học được kiến thức chuyên môn.

**7. Chuyên ngành** là những nội dung học tập tối thiểu liên quan đến nghề nghiệp chính (ngành chính) mà người học được đào tạo.

**8. Ngành phụ** là những nội dung học tập tối thiểu cần thiết liên quan đến ngành thứ hai mà người học được đào tạo.

## Chương II TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

### Điều 3. Thời gian học và kế hoạch đào tạo

**1. Khóa học:** là thời gian được thiết kế để SV hoàn thành một CTĐT cụ thể. Thời gian kế hoạch của một khóa đào tạo đại học chính quy gồm **10 học kỳ trong 3.5 đến 4 năm**. Sinh viên hoàn thành một CTĐT không được vượt quá **6 năm** tính từ khi sinh viên nhập học. Thời gian dừng học, thời gian học ở trường khác trước khi chuyển về trường Đại học Thái Bình Dương (nếu có) đều được tính chung vào thời gian này.

**2. Học kỳ:** có 15 đến 17 tuần dành cho các hoạt động giảng dạy, học tập các học phần và một số tuần dành cho việc đánh giá kiến thức và các hoạt động khác.

**3. Năm học:** bao gồm 3 HK, hàng năm nhà trường ban hành kế hoạch năm học của công tác đào tạo quy định thời gian biểu các tuần học, thời gian kiểm tra, đánh giá cuối kỳ, nghỉ lễ, và các hoạt động khác.

**4. Thời gian hoạt động giảng dạy của nhà trường:** được tính từ 7:30 giờ đến 21:00 giờ cho tất cả các ngày trong tuần. Tùy theo số lượng SV, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của trường, Trường P.ĐT sắp xếp thời khóa biểu dạy-học cho các lớp.

### Điều 4. Đăng ký nhập học và tổ chức lớp học

#### 1. Đăng ký nhập học:

a) SV trúng tuyển vào trường phải đăng ký và hoàn tất thủ tục nhập học theo Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT và các quy định của nhà trường.

b) SV đã hoàn tất thủ tục nhập học sẽ được xếp vào một lớp ngành đào tạo và được cấp: Một MSSV, một tài khoản để truy cập phần mềm quản lý đào tạo và địa chỉ email để sử dụng liên lạc, nhận thông tin từ trường.

**2. Khóa sinh viên** (gọi tắt là Khóa): bao gồm các SV đăng ký học cùng một CTĐT và nhập học cùng một khóa. Mỗi lớp SV có một CVHT. Mỗi lớp SV có một mã số riêng.

**3. Lớp học phần:** LHP là lớp của các sinh viên cùng đăng ký một HP, có cùng thời khóa biểu của học phần trong cùng một học kỳ. Mỗi lớp học phần được gán một mã số riêng. Số lượng sinh viên của một lớp học phần được giới hạn theo đặc thù của từng học phần nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy:

- Từ 40 đến 80 SV đối với các HP lý thuyết thuộc nhóm môn 100 và 200.

- Từ 30 đến 60 SV đối với những HP lý thuyết thuộc nhóm môn 300, GDTC.

- Từ 20 đến 30 SV đối với những HP lý thuyết thuộc nhóm môn 400, môn ngoại ngữ, HP giảng dạy hoàn toàn bằng tiếng Anh, môn thực hành.

Trong trường hợp các học phần chuyên ngành, nếu có đề nghị của khoa, trường sẽ xem xét để mở các lớp có sĩ số dưới mức tối thiểu.

#### **4. Cố vấn học tập (CVHT)**

a) CVHT là người tư vấn và hỗ trợ SV phát huy tối đa khả năng học tập, lựa chọn HP phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp và khả năng tìm được việc làm thích hợp.

b) CVHT được Khoa đề xuất, nhà trường ra quyết định công nhận. CVHT thực hiện nhiệm vụ theo quy định của trường.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của sinh viên trong học tập**

1. Tìm hiểu, nghiên cứu để nắm vững CTĐT của khóa, ngành đào tạo, kế hoạch học tập mỗi học kỳ và những quy định, chế độ liên quan của trường. Khi cần thiết, sinh viên liên lạc với cố vấn học tập, khoa, các phòng ban chức năng hoặc cán bộ giảng dạy học phần để được hướng dẫn và giúp đỡ.

2. Thường xuyên theo dõi các thông báo, đọc kỹ các tài liệu hướng dẫn mỗi học kỳ để thực hiện các công việc học vụ theo đúng trình tự và đúng thời hạn.

3. Thực hiện việc đăng ký học mỗi học kỳ theo đúng quy định, quy trình.

4. Thực hiện đầy đủ và nghiêm túc tất cả các yêu cầu của học phần đã đăng ký học: tham gia các hoạt động học tập trong và ngoài lớp học, các hoạt động đánh giá kết quả học tập.

5. Bảo mật các thông tin cá nhân, tài khoản cá nhân được nhà trường cung cấp.

#### **Điều 6. Đăng ký học phần đầu kỳ và nộp học phí**

HK đầu tiên SV được Trường sắp xếp học theo lộ trình mẫu và tự chọn một số HP chung. Từ HK thứ 2, SV tự chọn HP và tự đăng ký học phần.

1. Sinh viên được phép đăng ký và theo học bất cứ một học phần nào thuộc CTĐT và ngoài CTĐT (gọi là HP dự tính hay HP thêm) có mở trong học kỳ nếu thỏa mãn các điều kiện ràng buộc riêng của học phần (học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành), và nếu lớp học phần tương ứng còn khả năng tiếp nhận sinh viên.

2. Sinh viên bắt buộc phải tuân thủ các quy trình và thủ tục đăng ký học phần theo quy định của nhà trường đã ban hành.

3. SV phải đăng ký tối thiểu là 9 tín chỉ và tối đa là 18 tín chỉ trong một HK, ngoại trừ các HK cuối khóa (thực tập tốt nghiệp hoặc làm khóa luận tốt nghiệp), các HK có HP thực tập toàn thời gian bên ngoài, các HK có số HP phù hợp được mở ít hơn số tín chỉ tối thiểu. Trong trường hợp đặc biệt, Khoa xem xét cho từng SV đăng ký số tín chỉ trong HK không nằm trong khung quy định.

4. Trước HK kế tiếp, SV phải thực hiện ĐKHP. Lưu ý:

a) Nếu SV không ĐKHP thì phải làm đơn tạm ngừng học (tối đa 04 HK)

b) Nếu SV chưa thể đóng học phí ngay cho các HP sẽ ĐKHP cho HK kế tiếp, SV phải làm đơn đề nghị tạm hoãn đóng học phí theo thời gian quy định trong thông báo hướng dẫn ĐKHP, gửi TT.KN&HTSV để xem xét và đợi trả lời trong thời hạn 3 ngày. Nếu không có đơn hoặc có đơn nhưng không được chấp thuận và SV ĐKHP nhưng không hoàn thành đóng học phí đúng hạn sẽ bị hủy kết quả ĐKHP.

c) Trước khi hết thời hạn tối đa 4 HK được tạm ngừng học, SV đăng ký tiếp tục học và có thể ĐKHP cho HK kế tiếp. Sau thời hạn tối đa 4 HK được tạm ngừng học, nếu SV không ĐKHP lại thì sẽ thuộc diện buộc thôi học. Thời gian tạm ngừng học tối đa 4 HK được tính cho toàn khóa học, kể cả thời gian xin tạm ngừng học trước đó, nếu có.

5. Hủy kết quả ĐKHP: Chỉ được xem xét hủy kết quả ĐKHP đối với những trường hợp bất khả kháng như SV bị tai nạn, ốm đau phải nằm bệnh viện thời gian dài (có xác nhận của bệnh viện) hoặc gia đình gặp thiên tai đặc biệt, SV thuộc diện này có thể làm đơn để được xem xét tạm ngừng học. Khi có quyết định, SV được hoàn học phí theo quy định chính sách học phí. Các trường hợp khác đều không được giải quyết.

6. ĐKHP bổ sung (sau thời gian ĐKHP): P.ĐT chỉ hỗ trợ ĐKHP bổ sung vào các lớp HP còn khả năng tiếp nhận đối với những trường hợp sau:

a) SV bị tai nạn, ốm đau hoặc có hoàn cảnh đặc biệt có minh chứng rõ ràng (xác nhận bệnh viện, địa phương, cơ quan) không thể thực hiện ĐKHP trong thời gian quy định;

b) SV đã hoàn tất ĐKHP theo đúng quy định nhưng muốn ĐKHP bổ sung vào lớp HP được mở sau thời gian ĐKHP của SV.

c) SV cần theo dõi thông báo sau khi thời gian ĐKHP kết thúc để thực hiện ĐKHP bổ sung trong thời gian quy định.

7. ĐKHP dự thính (hay HP thêm):

a) SV có thể học bổ sung kiến thức bằng cách đăng ký học dự thính (hay học thêm) những HP nhà trường có mở trong HK.

b) Việc ĐKHP dự thính (hay HP thêm) SV phải tuân thủ tất cả các quy định trong ĐKHP và tham gia học tập lớp HP. Trường sẽ ghi nhận kết quả học HP dự thính theo yêu cầu của SV.

8. Việc tổ chức và thực hiện ĐKHP được thực hiện theo quy định về ĐKHP của Trường. Trước mỗi HK, P.ĐT có "Hướng dẫn ĐKHP" với các mốc thời gian cụ thể.

9. Việc rút bớt học phần đã đăng ký được thực hiện trong **2 tuần** kể từ đầu học kỳ và không vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

10. Sau khi xác nhận đăng ký học phần sinh viên phải hoàn thành việc nộp học phí theo quy định, sinh viên không hoàn thành nộp học phí xem như không đủ điều kiện để tham gia học tập học kỳ đó.

## **Điều 7. Đăng ký học lại**

1. SV có điểm TBHP không đạt nếu điểm TBHP dưới 5.0 (hệ 10) hay C-.

2. Đối với HP có điểm TBHP không đạt, SV bắt buộc phải đăng ký học lại:

a) Đối với HP bắt buộc thì SV bắt buộc phải đăng ký học lại chính HP đó.

b) Đối với HP tự chọn, SV đăng ký học lại chính HP đó hoặc HP cùng nhóm tương ứng.

3. Đối với HP bất kỳ đã có kết quả TBHP đạt, SV được phép đăng ký học lại HP đó, khi có mở lớp, để cải thiện điểm. Điểm của các lần học đều được ghi trong bảng điểm

HK. Kết quả cao nhất trong các lần học sẽ được chọn để tính vào điểm TBTL và được ghi vào kết quả học tập khi SV tốt nghiệp.

4. Thủ tục đăng ký học lại hoặc đăng ký học lại để cải thiện điểm giống như ĐKHP lần đầu.

## **Điều 8. Tạm ngừng học - Nghỉ học - Hoãn tham dự đánh giá**

### **Tạm ngừng học**

1. SV được phép tạm ngừng học và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

- a) Được động viên vào lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn buộc phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trong trường hợp này, SV phải học ít nhất một HK ở trường và không thuộc diện xem xét buộc thôi học. Thời gian tạm ngừng học vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức.

2. SV làm đơn đăng ký tạm ngừng học (xác định rõ thời hạn tạm dừng) gửi tại TT.KN&HTSV để có quyết định cho tạm ngừng học. SV có thể ĐKHP cho HK kế tiếp khi hết thời hạn ngừng học nêu trong quyết định mà không cần làm đơn đăng ký nhập học lại; trường hợp SV không ĐKHP cho HK kế tiếp sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 6.

3. Đối với trường hợp a và b của khoản 1 điều này, căn cứ vào thời hạn SV nộp đơn, lý do và thời hạn được tạm ngừng học, nhà trường sẽ xem xét mức độ hoàn học phí hoặc bảo lưu học phí.

4. Sau khi nhận đơn đăng ký tạm ngừng học của SV, TT.KN&HTSV tổ chức tìm hiểu lý do, phối hợp với các đơn vị để thực hiện việc hỗ trợ SV nhằm tiếp tục học (có văn bản ghi lại nội dung việc tìm hiểu, hỗ trợ) trước khi có quyết định cho tạm ngừng học.

### **Vắng học**

5. SV được chủ động chọn thời khóa biểu nên phải tham gia đầy đủ các buổi học và hoạt động theo quy định của học phần.

6. Trường không giải quyết đơn xin phép vắng các buổi học của SV.

7. Nếu vì lý do bất khả kháng phải vắng học thời gian dài, SV có thể làm đơn đăng ký tạm ngừng học.

### **Hoãn tham gia các phần đánh giá**

8. SV có thể đăng ký hoãn tham gia các phần đánh giá khi có một trong các lý do sau:

- a) Ốm đau, tai nạn;
- b) Có tang cha, mẹ, anh chị em ruột, ông bà nội ngoại;
- c) Được trường cử đi tham gia hoạt động SV.

SV phải viết đơn kèm theo minh chứng (giấy chứng nhận của cơ quan y tế, địa phương, hoặc trường) và:

- Đối với đơn xin hoãn phần đánh giá thành phần: SV gửi trực tiếp cho GV phụ trách lớp HP vào thời gian đi học lại sau đợt đánh giá hoặc sinh viên gửi email cho GV và GV là người xem xét giải quyết, thông báo kết quả cho SV.

- Đối với đơn xin hoãn thành phần đánh giá kết thúc HP: SV gửi tại TT.KN&HTSV trễ nhất là 07 ngày (không kể ngày nghỉ, lễ) sau ngày đánh giá kết thúc HP, có thể nhờ người thân nộp đơn hộ hoặc gửi thông tin qua email trước, sau đó bổ sung đơn theo yêu cầu. Đơn nộp sau thời gian quy định sẽ không được xem xét.

9. Khi đơn hoãn tham gia các phần đánh giá được chấp thuận, SV được dự các phần đánh giá lại trong lần gần nhất có tổ chức HP đó.

10. Các trường hợp tự ý bỏ các phần đánh giá không lý do, SV sẽ nhận điểm không o cho phần đánh giá tương ứng.

### **Điều 9. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào số tín chỉ tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo như sau:

<b>Loại SV</b>	<b>Số tín chỉ đạt</b>
SV năm I	0 - 43
SV năm II	44 - 77
SV năm III	78 - 124
SV năm IV	Từ 125 trở lên

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào điểm trung bình tích lũy, sinh viên được xếp hạng học lực như sau:

- Xuất sắc: Điểm trung bình tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- Giỏi: Điểm trung bình tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- Khá: Điểm trung bình tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- Trung bình: Điểm trung bình tích lũy từ 2,00 đến 2,49;
- Yếu: Điểm trung bình tích lũy dưới 2,0.

### **Điều 10. Cảnh báo học tập, buộc thôi học**

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện sau từng học kỳ nếu điểm trung bình tích lũy dưới 2.0. Hoặc tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F tính từ đầu khóa học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị xem xét buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- Có số lần cảnh báo kết quả học tập quá 2 lần;
- Vượt quá thời gian tối đa được phép học quy định (6 năm kể từ ngày nhập học).
- Đã hết hạn được phép tạm ngừng học tối đa 4 HK nhưng vẫn không ĐKHP cho HK kế tiếp.
- Việc ra quyết định buộc thôi học được thực hiện bởi một hội đồng bao gồm đại diện Khoa/Bộ môn, P.ĐT và TT.KN&HTSV sau khi đã xem xét quá trình học tập của SV, những lý do ảnh hưởng đến quá trình học của sinh viên.

### **Điều 11. Học một lúc hai chương trình**

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai.



2. Sinh viên được học cùng lúc hai chương trình nếu có điểm trung bình tích lũy đạt 2,5 trở lên và đáp ứng điều kiện đầu vào của chương trình đào tạo thứ hai theo quy định của Trường.
3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới 2,00 và thuộc diện cảnh báo học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.
4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được xét và công nhận điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.
5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

### **Điều 12. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:
  - a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;
  - b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;
  - c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.
2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:
  - a) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;
  - b) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.
3. Thủ tục chuyển trường:
  - a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ chuyển trường theo quy định của nhà trường;
  - b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

### **Điều 13. Chuyển ngành:**

Trong quá trình học tập, sinh viên có thể chuyển ngành đào tạo đang học sang học một ngành đào tạo khác của trường nếu có nhu cầu. Để được chuyển ngành, sinh viên phải thỏa mãn các yêu cầu sau:

- a) Sinh viên có đơn đề nghị chuyển đổi ngành đào tạo.
- b) Ngành đào tạo dự kiến chuyển sang học phải có cùng hình thức, điều kiện tuyển sinh và có điểm tuyển sinh bằng hoặc thấp hơn so với điểm tuyển sinh của ngành đào tạo đang học.
- c) Việc chuyển đổi ngành phải hoàn thành trước khi bắt đầu học kỳ thứ tư đối với chương trình có thời gian thực hiện từ ba đến bốn năm.

d) Việc chuyển ngành không được chấp nhận trong thời gian: tạm dừng chương trình đang học, điều chỉnh tiến độ học, bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

e) Sinh viên chỉ được chuyển ngành trong năm học đầu tiên kể từ khi nhập học.

### Chương III

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

#### Điều 14. Đánh giá liên tục

Đánh giá liên tục là biện pháp đánh giá quá trình học tập của SV không chỉ dựa vào kết quả đánh giá kết thúc HP, mà căn cứ vào kết quả của những lần đánh giá trong suốt quá trình học tập thông qua các phần đánh giá thành phần. Kết quả học tập một HP sẽ gồm điểm của các lần đánh giá thành phần và điểm đánh giá kết thúc HP. Các hình thức đánh giá, số lần đánh giá và tỉ lệ của từng đánh giá, thang điểm của thành phần đánh giá đều được ghi trong ĐCHP.

Số thành phần đánh giá từ 3 đến 5, không có thành phần nào chiếm tỉ lệ vượt quá 50%, trong đó thành phần đánh giá đầu tiên (A1) là đánh giá thông qua việc SV tham gia các hoạt động tại lớp.

#### Điều 15. Đánh giá học phần

Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào đánh giá quá trình học tập và đánh giá kết thúc học phần. Các hình thức đánh giá thành phần và trọng số của các điểm đánh giá thành phần, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

Giảng viên giảng dạy học phần trực tiếp ra đề và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

Việc đánh giá học phần khóa luận tốt nghiệp, thực tập tốt nghiệp phải do hội đồng đảm nhiệm.

Người học đã học các chương trình đào tạo khác được xét và công nhận kết quả học phần đã tích lũy có cùng nội dung và thời lượng với học phần tương đương trong chương trình đào tạo hiện tại.

#### Điều 16. Cách tính điểm đánh giá thành phần, điểm học phần

1. Điểm đánh giá thành phần và điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
2. Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

STT	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
1	Đạt (tính số tín chỉ tích lũy)	9,0 – 10	A	4,0
2		8,5 – 8,9	A-	3,6
3		8,0 – 8,4	B+	3,3
4		7,0 – 7,9	B	3,0
5		6,5 – 6,9	B-	2,7
		6,0 – 6,4	C+	2,3
7		5,0 – 5,9	C	2,0
8	Không đạt	4,0 – 4,9	C-	1,7

STT	Loại	Thang điểm 10	Thang điểm chữ	Thang điểm 4
9		3,0 – 3,9	D+	1,3
10		2,0 – 2,9	D	1,0
11		1,0 – 1,9	D-	0,7
12		00 – 0,9	F	00

a) Loại đạt (tính số tín chỉ tích lũy): từ C trở lên, tương ứng với điểm từ 5.0 trở lên.

b) Loại không đạt: Từ C- trở xuống, tương ứng với điểm dưới 5,0.

3. Đối với những học phần chưa hoàn thành các thành phần đánh giá để đưa vào tính điểm trung bình học kỳ, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau: I

4. Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ: M

### Điều 17. Cách tính điểm trung bình học tập

1. Để tính điểm trung bình học kỳ, năm học và điểm trung bình tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số thang điểm 4 theo bảng trong khoản 2 điều 16.

2. Điểm trung bình học kỳ, năm học và điểm trung bình tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A là điểm trung bình học kỳ hoặc điểm trung bình tích lũy

$a_i$  là điểm của học phần thứ i

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ i;

Điểm trung bình HK, năm học được tính dựa trên các học phần SV đã học trong HK, năm học đó.

Điểm trung bình tích lũy được tính dựa trên các học phần SV đã tích lũy đến thời điểm hiện tại.

3. Số tín chỉ tích lũy là tổng số tín chỉ các HP mà sinh viên đã đạt.

4. Điểm trung bình học kỳ, năm học để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần học và thi thứ nhất. Điểm trung bình học kỳ, năm học và điểm trung bình tích lũy để xét tiếp tục học tập, thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

## 5. Bảng điểm

a) Bảng điểm thể hiện tất cả các HP quy định trong CTĐT mà SV đã hoàn thành để tốt nghiệp, tổng số tín chỉ đã tích lũy và điểm TBTL. Mỗi HP thể hiện một lần, gồm: MSHP, tên HP, số tín chỉ HP (được quy định trong CTĐT), điểm TBHP hệ 10, hệ chữ, hệ 4 (là điểm TBHP cao nhất giữa các lần học).

b) Nếu SV học lại bằng đúng HP đó thì điểm TBHP cao hơn trong các lần học sẽ được thể hiện và được tính trong TBHK, TBTL.

c) Nếu SV học lại bằng HPTĐ hoặc HPTT, thì HP có điểm TBHP cao nhất trong các lần học được thể hiện, được tính trong điểm TBHK và TBTL, với số tín chỉ của HP được quy định trong CTĐT.

d) Nội dung thể hiện trên cùng bảng điểm bằng hai thứ tiếng: tiếng Việt và ngoại ngữ. Với những HP dạy bằng ngoại ngữ, tên HP chỉ thể hiện bằng ngoại ngữ tương ứng.

## **Điều 18. Miễn học học phần**

### **1. Miễn học phần**

Việc xem xét tương đương miễn học đối với sinh viên sẽ do Hiệu trưởng quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Khoa quản lý học phần. Số tín chỉ được miễn không được vượt quá 50% số tín chỉ trong CTĐT. Học phần miễn học trường hợp này được ghi điểm M.

Học phần được xét miễn không được quá 5 năm tính từ thời gian học.

### **2. Nguyên tắc xét miễn và công nhận điểm học phần**

Chỉ xem xét và công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ cho các học phần trong CTĐT sẽ học mà trong CTĐT đã học trước người học đã tích lũy được có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương hoặc lớn hơn.

### **3. Đề nghị xét miễn học phần**

Ngay sau khi đăng ký nhập học, trước khi bắt đầu HK đầu tiên, căn cứ CTĐT của mình, SV có thể làm đơn đề nghị miễn HP đã học (tại các trường khác hoặc tại ĐHTBD) kèm bảng điểm có HP, tài liệu liên quan như đề cương học phần (nếu có yêu cầu), hoặc chứng chỉ quốc tế.

## **Điều 19. Phúc tra và khiếu nại điểm**

Đối với điểm quá trình, sinh viên khiếu nại trực tiếp với cán bộ giảng dạy khi công bố điểm trên lớp. Sau khi bảng ghi điểm đã nộp cho trường, sinh viên không còn quyền khiếu nại về điểm quá trình nữa.

Điểm thi kết thúc học phần: sau khi công bố trong vòng 5 ngày nếu sinh viên có khiếu nại về điểm thì làm đơn phúc khảo (theo mẫu của Trường) để phúc tra điểm kết thi thúc học phần, sinh viên nộp đơn yêu cầu cho TT.KN&HTSV/Phòng đảm bảo chất lượng theo đúng quy trình và thủ tục của phòng này.

Khi phát hiện có bất cứ sự khác biệt nào giữa bảng ghi điểm đã công bố và điểm được nhập, lưu trữ trong hệ thống quản lý, sinh viên có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Phòng Đào tạo kiểm tra lại các cột điểm tương ứng.

## **Điều 20. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

1. Trong khi tham dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, khóa luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm, theo quy định của nhà trường.

2. Xử lý thi hộ: áp dụng cho cả người thi hộ và người nhờ thi hộ:

- Vi phạm lần thứ nhất: người nhờ thi hộ nhận điểm (0) học phần đó, đình chỉ học tập 1 năm; người thi hộ đình chỉ học tập 1 năm (nếu là sinh viên thuộc trường).

- Vi phạm lần thứ hai (trong cả khóa học): buộc thôi học.

### **Điều 21. Thông báo điểm và xác nhận kết quả học tập**

Điểm học phần được công bố cho sinh viên được biết tại trang web của hệ thống quản lý đào tạo. Các cột điểm quá trình được giảng viên thông báo cho sinh viên trước khi kết thúc học phần.

Trong quá trình học, sinh viên có quyền đề nghị Phòng Đào tạo cấp bằng điểm để phục vụ các mục đích riêng.

## Chương IV

### XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

#### **Điều 22. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp**

Sinh viên được công nhận và xét cấp bằng tốt nghiệp hệ chính quy theo một ngành hoặc nhiều chuyên ngành đào tạo tại trường nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị kỷ luật đình chỉ học tập và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
- Có các chứng chỉ giáo dục quốc phòng và đạt các học phần giáo dục thể chất/chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Hoàn tất toàn bộ CTĐT, có đủ số tín chỉ tích lũy đủ theo quy định của CTĐT mà sinh viên theo học.
- Có ĐTB tích lũy từ 2.0 (thang điểm 4) trở lên.

Mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp họp để tiến hành xem xét và thông qua danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Dựa trên đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ra quyết định công nhận tốt nghiệp.

Sinh viên tốt nghiệp được nhận bằng tốt nghiệp đại học chính quy, bảng điểm, và các phụ lục liên quan.

#### **Điều 23. Cấp bằng tốt nghiệp, ghi nhận kết quả học tập**

1. Bằng tốt nghiệp đại học được cấp theo ngành đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình tích lũy của toàn khoá học, như sau:
  - a) Xuất sắc: Điểm trung bình tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
  - b) Giỏi: Điểm trung bình tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
  - c) Khá: Điểm trung bình tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
  - d) Trung bình: Điểm trung bình tích lũy từ 2,00 đến 2,49.
3. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khoá loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:
  - a) Có khối lượng của các học phần phải học lại, thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;
  - b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.
4. Sinh viên bị buộc thôi học được cấp bằng điểm về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của trường ngay sau khi có quyết định buộc thôi học.

## Chương V CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

### **Điều 24. Học phí**

Học phí của các học phần sinh viên đã đăng ký học được thông báo trong kết quả đăng ký học phần của từng sinh viên. Sinh viên có trách nhiệm biết và đóng đầy đủ học phí tại Phòng Kế toán - Tài chính của trường theo đúng thời hạn quy định.

### **Điều 25. Bảo hiểm y tế**

Để đảm bảo quyền lợi và điều kiện học tập của sinh viên, nhà trường yêu cầu tất cả sinh viên đều phải có thẻ Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn theo quy định hiện hành.

## Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề gì phát sinh hoặc vướng mắc, khó khăn, các đơn vị phản ánh về trường (thông qua Phòng đào tạo) để điều chỉnh, bổ sung cho hợp lý.
3. Trường các đơn vị có liên quan, giảng viên toàn thể sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quy chế này.

### ***Nơi nhận:***

- HT (để báo cáo);
- Các đơn vị (thực hiện);
- Sinh viên (thực hiện);
- Lưu VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**TS. Phạm Quốc Lộc**